

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chữ

Bà Hoàng Thị Chiến

- Thư ký phiên tòa:

Bà Lê Thu Lam - Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên

tòa: Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên (TAND huyện Ân Thi cũ), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 19/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1997

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1991

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Hoàng Hải L, sinh ngày 09/4/2024 và cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/4/2024. Người đại diện hợp pháp của các cháu là anh Hoàng Văn D, chị Bùi Thị T – Bố, mẹ đẻ của các cháu

Đều địa chỉ: C, X, H

Chị vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Chị T, anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2018 tại UBND xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Xuân Trúc, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, chị có cùng về gia đình anh D sinh sống, làm ăn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi sinh con khoảng 3 tháng bắt đầu phát sinh trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống khác biệt với anh D và gia đình chồng nên anh chị thường xuyên cãi vã, xô xát. Tháng 4/2025 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị về nhà mẹ đẻ chị ở hẳn và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian đầu mâu thuẫn gia đình chị có khuyên nhủ để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả hai vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, xác định không còn tình cảm với anh D, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Hải L, sinh ngày 09/4/2024 và cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/4/2024. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thiên L, giao anh D nuôi dưỡng cháu Hải L. Không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn D trình bày: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2018 tại UBND xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là Xuân Trú, Hưng Yên). Sau khi kết hôn, anh chị ở Hà Nội sau đó chị T có cùng về gia đình anh sinh sống, làm ăn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi chị T sinh con anh chị có mâu thuẫn bắt đầu từ việc mua sắm quần áo từ đó xích mích rồi cãi vã. Đến khoảng tháng 4/2025 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ của chị T. Anh đã nói chuyện với hai gia đình để đoàn tụ vợ chồng. Về yêu cầu xin ly hôn của chị T anh mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Hải L, sinh ngày 09/4/2024 và cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/4/2024. Hiện nay cháu Hải L đang ở cùng với anh và bố mẹ anh, cháu Thiên L ở cùng chị T. Nếu ly hôn anh muốn nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết

Ông Hoàng Đình Quân (Bố đẻ của anh D) trình bày: Ông là bố đẻ của anh D còn chị T là con dâu của ông. Chị T, anh D tự do tìm hiểu nhiều năm sau đó có về nói chuyện, gia đình có tổ chức đám cưới cho anh chị theo phong tục địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn vào năm 2018, làm ăn sinh sống trên Hà Nội, thi thoảng mới về, năm trước khi chị T sinh con anh chị về đây sinh sống. Thỉnh thoảng anh chị có mâu thuẫn, cãi vã, khi chị T sinh con xong anh chị cùng nhau nuôi con chung được 13 tháng thì xảy ra cãi vã, chị T về nhà mẹ đẻ cho đến nay. Về yêu cầu xin ly hôn của chị T, ông là bố mẹ mong muốn anh chị đoàn tụ còn quyết định như nào phụ thuộc anh chị. Về con chung: Anh chị có hai chung là cháu Hoàng Hải L, sinh ngày 09/4/2024 và cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/4/2024. Hiện nay cháu Hải L đang ở cùng ông bà, cháu Thiên L đang ở với chị T. Nếu anh chị ly hôn ông vẫn giúp anh D chăm sóc con chung. Về tài sản chung: Anh chị không có gì và không có gì liên quan đến ông bà.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Xuân Trú: Vợ chồng anh D, chị T có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2018 tại UBND xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Xuân Trú, Hưng Yên). Quá trình chung sống anh D, chị T có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Hải L, sinh ngày 09/4/2024 và cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày

09/4/2024. Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 19/11/2025 bị đơn anh Hoàng Văn D vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, tại phiên tòa ngày 08/12/2025 bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng chấp nhận cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 sinh đôi là cháu Hoàng Hải L và cháu Hoàng Thiên L, cùng sinh ngày 09 tháng 4 năm 2024. Xét thấy: cháu Hoàng Thiên L và Hoàng Hải L đều còn nhỏ, hiện cháu Thiên L đang ở ổn định cùng mẹ là chị T và ông bà ngoại; cháu Hải L đang ở ổn định cùng bố là anh D và ông bà nội. Bản thân vợ chồng chị T, anh D đều có công việc, có thu nhập và chỗ ở ổn định, để bảo đảm cuộc sống cũng như sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cho các con chung, giảm gánh nặng về kinh tế khi một bên phải nuôi cả hai con chung. Do đó, xét điều kiện thực tế của các đương sự, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng giao cháu Thiên L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi và tự lập được; giao cháu Hải L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi và tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh D được quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ nần: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn D đều có nơi thường trú địa chỉ tại Châm Nhị, Xuân Trúc, Hưng Yên. Vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh D nhưng anh D đều vắng mặt. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa lần thứ hai anh D vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có Đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2018 tại UBND xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Xuân Trúc, tỉnh Hưng Yên). Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh D là hợp pháp. Nay chị T có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn thấy: Chị T xác định sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi sinh con khoảng 3 tháng bắt đầu phát sinh trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống khác biệt với anh D và gia đình chồng nên anh chị thường xuyên cãi vã, xô xát. Đến tháng 4/2025 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị về nhà mẹ đẻ chị ở hẳn và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian đầu mâu thuẫn gia đình chị có khuyên nhủ để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả hai vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, xác định không còn tình cảm với anh D, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị xin ly hôn với anh D. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ chị T, anh D đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh D đều vắng mặt trong các buổi hòa giải như vậy thể hiện không có thiện trí để Tòa án hoà giải vợ chồng đoàn tụ, còn chị T đều có mặt và xác định đã không còn tình cảm, không liên quan gì đến anh D, không có tình nghĩa vợ chồng nữa nên kiên quyết xin ly hôn, mặt khác ông Hoàng Đình Quân (bố đẻ của anh D) cũng xác định cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, cãi nhau và chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và đến thời điểm này cả chị T, anh D cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân, chứng tỏ hôn nhân của chị T, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị T là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T, anh D thống nhất quá trình chung sống có hai con chung là cháu Hoàng Hải L và cháu Hoàng Thiên L đều sinh ngày 09/4/2024. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có đề nghị được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc cháu Thiên L đang ở ổn định với chị T, giao anh D nuôi dưỡng cháu Hải L đang ở ổn định với anh D và bố mẹ anh D, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Còn anh D đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng, nguyện vọng của chị T, anh D là chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên, tuy nhiên việc giao cháu Hải L, Thiên L tuổi còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi (đều sinh năm 2024) cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét, đánh giá đến điều kiện, hoàn cảnh của người nuôi dưỡng. Chị T, anh D đều có công việc, thu nhập ổn định, điều kiện về nơi ở, thời gian chăm sóc con cái của hai anh chị là tương tự nhau, nguyện vọng của chị T là nuôi dưỡng Thiên L, giao anh D nuôi dưỡng cháu Hải L, còn anh D mong muốn nuôi dưỡng cả hai con chung. Vì vậy, HĐXX nhận thấy, hiện cháu Thiên L đang ở cùng chị T, cháu Hải L đang ở cùng anh D, **để đảm bảo ổn định**, bảo đảm cuộc sống cũng như sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cho các con chung, giảm gánh nặng về kinh tế khi một bên phải nuôi cả hai con chung. Do đó, xét điều kiện thực tế của các đương sự, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ giao cháu Hoàng Thiên L cho chị T tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, giao cháu Hoàng Hải L cho anh D tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng, xét theo đề nghị của chị T, anh D và do mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/4/2024 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, giao cháu Hoàng Hải L, sinh ngày 09/4/2024 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đôi bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001848 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.**

- Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Xuân Trúc, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chiến

Trần Quang Chủ

Nguyễn Đồng Dục

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục